

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại mức độ nguy cơ dịch Covid-19
tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

HỎA TỐC

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch Covid-19 về việc ban hành “Quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch Covid-19”;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 15/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 bắt buộc theo mức độ nguy cơ tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại mức độ nguy cơ dịch Covid-19 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Mức “Bình thường mới” (vùng xanh): 61 đơn vị.
- Mức “Nguy cơ” (vùng vàng): 24 đơn vị.
- Mức “Nguy cơ cao” (vùng cam): 19 đơn vị.
- Mức “Nguy cơ rất cao” (vùng đỏ): 05 đơn vị.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ vào phân loại mức độ nguy cơ tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 bắt buộc tương ứng với từng mức độ nguy cơ

được quy định tại Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 15/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực quản lý.

2. Hàng ngày, Sở Y tế chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ diễn biến tình hình dịch Covid-19, kịp thời tham mưu Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh điều chỉnh phân loại mức độ nguy cơ dịch Covid-19 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 phù hợp.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm cập nhật Bản đồ mức độ nguy cơ dịch Covid-19 tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định phân loại mức độ nguy cơ dịch Covid-19 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng do Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh ban hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế các Quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Sóc Trăng gồm: Quyết định số 89/QĐ-BCĐUBND ngày 15/8/2021 về việc phân loại mức độ nguy cơ dịch Covid-19 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 90/QĐ-BCĐUBND ngày 15/8/2021 về việc điều chỉnh mức độ nguy cơ dịch Covid-19 đối với xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 102/QĐ-BCĐUBND ngày 20/8/2021 về việc điều chỉnh mức độ nguy cơ dịch Covid-19 đối với một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Điều 2, Quyết định số 96/QĐ-BCĐUBND ngày 18/8/2021 về việc thiết lập vùng y tế để phòng, chống dịch Covid-19 đối với xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- BCĐQG phòng, chống dịch Covid-19;
- TT. TU. TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- BCĐ Covid-19 tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *lưu*

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Văn Lôu



PHỤ LỤC CHI TIẾT

Mức độ nguy cơ dịch Covid-19 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 107 /QĐ-BCĐUBND ngày 27/8/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Mức nguy cơ	Ghi chú
I	HUYỆN CHÂU THÀNH		8 đơn vị
1	Xã An Hiệp	CAM	Đỏ: 00 đơn vị Cam: 01 đơn vị Vàng: 02 đơn vị Xanh: 05 đơn vị
2	Thị trấn Châu Thành	VÀNG	
3	Xã Phú Tân	VÀNG	
4	Xã An Ninh	XANH	
5	Xã Hồ Đắc Kiện	XANH	
6	Xã Phú Tâm	XANH	
7	Xã Thiện Mỹ	XANH	
8	Xã Thuận Hòa	XANH	
II	HUYỆN CÙ LAO DUNG		8 đơn vị
9	Xã An Thạnh 1	VÀNG	Đỏ: 00 đơn vị Cam: 00 đơn vị Vàng: 02 đơn vị Xanh: 06 đơn vị
10	Thị trấn Cù Lao Dung	VÀNG	
11	Xã Đại Ân 1	XANH	
12	Xã An Thạnh 2	XANH	
13	Xã An Thạnh Nam	XANH	
14	Xã An Thạnh 3	XANH	
15	Xã An Thạnh Đông	XANH	
16	Xã An Thạnh Tây	XANH	
III	HUYỆN KẾ SÁCH		13 đơn vị
17	Xã Xuân Hòa	ĐỎ	Đỏ: 01 đơn vị Cam: 00 đơn vị Vàng: 02 đơn vị Xanh: 10 đơn vị
18	Thị trấn An Lạc Thôn	VÀNG	
19	Xã Trinh Phú	VÀNG	
20	Thị trấn Kế Sách	XANH	
21	Xã Thới An Hội	XANH	
22	Xã An Lạc Tây	XANH	
23	Xã An Mỹ	XANH	
24	Xã Ba Trinh	XANH	
25	Xã Đại Hải	XANH	



STT	Đơn vị	Mức nguy cơ	Ghi chú
26	Xã Kế An	XANH	
27	Xã Kế Thành	XANH	
28	Xã Nhơn Mỹ	XANH	
29	Xã Phong Năm	XANH	
IV	HUYỆN LONG PHÚ		11 đơn vị
30	Xã Tân Thạnh	CAM	Đỏ: 00 đơn vị Cam: 02 đơn vị Vàng: 02 đơn vị Xanh: 07 đơn vị
31	Xã Long Đức	CAM	
32	Xã Tân Hưng	VÀNG	
33	Xã Long Phú	VÀNG	
34	Xã Trường Khánh	XANH	
35	Xã Hậu Thạnh	XANH	
36	Xã Châu Khánh	XANH	
37	Thị trấn Đại Ngãi	XANH	
38	Thị trấn Long Phú	XANH	
39	Xã Phú Hữu	XANH	
40	Xã Song Phụng	XANH	
V	HUYỆN MỸ TÚ		09 đơn vị
41	Xã Thuận Hưng	ĐỎ	Đỏ: 01 đơn vị Cam: 00 đơn vị Vàng: 02 đơn vị Xanh: 06 đơn vị
42	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	VÀNG	
43	Xã Mỹ Thuận	VÀNG	
44	Xã Mỹ Phước	XANH	
45	Xã Long Hưng	XANH	
46	Xã Hưng Phú	XANH	
47	Xã Mỹ Hương	XANH	
48	Xã Mỹ Tú	XANH	
49	Xã Phú Mỹ	XANH	
VI	HUYỆN MỸ XUYÊN		11 đơn vị
50	Xã Thạnh Quới	ĐỎ	Đỏ: 01 đơn vị Cam: 00 đơn vị Vàng: 04 đơn vị Xanh: 06 đơn vị
51	Xã Đại Tâm	VÀNG	
52	Xã Tham Đôn	VÀNG	
53	Xã Thạnh Phú	VÀNG	
54	Xã Gia Hòa 2	VÀNG	
55	Thị trấn Mỹ Xuyên	XANH	



STT	Đơn vị	Mức nguy cơ	Ghi chú
56	Xã Hòa Tú 2	XANH	
57	Xã Ngọc Đông	XANH	
58	Xã Ngọc Tố	XANH	
59	Xã Gia Hòa 1	XANH	
60	Xã Hòa Tú 1	XANH	
VII	HUYỆN THẠNH TRỊ		10 đơn vị
61	Thị trấn Phú Lộc	ĐỎ	Đỏ: 01 đơn vị Cam: 03 đơn vị Vàng: 01 đơn vị Xanh: 05 đơn vị
62	Xã Tuân Tứ	CAM	
63	Thị trấn Hưng Lợi	CAM	
64	Xã Thạnh Trị	CAM	
65	Xã Lâm Tân	VÀNG	
66	Xã Thạnh Tân	XANH	
67	Xã Vĩnh Lợi	XANH	
68	Xã Châu Hưng	XANH	
69	Xã Lâm Kiệt	XANH	
70	Xã Vĩnh Thành	XANH	
VIII	HUYỆN TRẦN ĐỀ		11 đơn vị
71	Thị trấn Lịch Hội Thượng	CAM	Đỏ: 00 đơn vị Cam: 01 đơn vị Vàng: 03 đơn vị Xanh: 07 đơn vị
72	Xã Tài Văn	VÀNG	
73	Thị trấn Trần Đề	VÀNG	
74	Xã Thạnh Thới Thuận	VÀNG	
75	Xã Liêu Tú	XANH	
76	Xã Thạnh Thới An	XANH	
77	Xã Đại Ân 2	XANH	
78	Xã Lịch Hội Thượng	XANH	
79	Xã Trung Bình	XANH	
80	Xã Viên An	XANH	
81	Xã Viên Bình	XANH	
IX	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG		10 đơn vị
82	Phường 1	CAM	Đỏ: 00 đơn vị Cam: 10 đơn vị Vàng: 00 đơn vị Xanh: 00 đơn vị
83	Phường 2	CAM	
84	Phường 3	CAM	
85	Phường 4	CAM	



STT	Đơn vị	Mức nguy cơ	Ghi chú
86	Phường 5	CAM	
87	Phường 6	CAM	
88	Phường 7	CAM	
89	Phường 8	CAM	
90	Phường 9	CAM	
91	Phường 10	CAM	
X	THỊ XÃ NGÃ NĂM		
92	Phường 1	CAM	Đỏ: 00 đơn vị Cam: 01 đơn vị Vàng: 04 đơn vị Xanh: 03 đơn vị
93	Phường 2	VÀNG	
94	Phường 3	VÀNG	
95	Xã Mỹ Quới	VÀNG	
96	Xã Vĩnh Quới	VÀNG	
97	Xã Tân Long	XANH	
98	Xã Long Bình	XANH	
99	Xã Mỹ Bình	XANH	
XI	THỊ XÃ VĨNH CHÂU		10 đơn vị
100	Xã Vĩnh Hải	ĐỎ	Đỏ: 01 đơn vị Cam: 01 đơn vị Vàng: 02 đơn vị Xanh: 06 đơn vị
101	Xã Lạc Hòa	CAM	
102	Phường 1	VÀNG	
103	Phường 2	VÀNG	
104	Xã Hòa Đông	XANH	
105	Phường Khánh Hòa	XANH	
106	Xã Vĩnh Hiệp	XANH	
107	Xã Lai Hòa	XANH	
108	Phường Vĩnh Phước	XANH	
109	Xã Vĩnh Tân	XANH	

*** Ghi chú:**

STT	Màu	Mức độ nguy cơ	Số lượng
1	Xanh	Bình thường mới	61
2	Vàng	Nguy cơ	24
3	Cam	Nguy cơ cao	19
4	Đỏ	Nguy cơ rất cao	05

